

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ TRẦN VĂN THỜI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 20/NQ-HĐND

Xã Trần Văn Thời, ngày 28 tháng 9 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Về việc bổ sung 06 chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội
Xã Trần Văn Thời 5 năm 2026 - 2030**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ TRẦN VĂN THỜI
KHÓA II, KỲ HỌP THỨ 5 (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 17 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về bổ sung 18 chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 3235/QĐ-UBND ngày 27 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc bổ sung chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Xã Trần Văn Thời về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội Xã Trần Văn Thời 5 năm 2026 - 2030;

Xét Tờ trình số 205/TTr-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Xã Trần Văn Thời về việc thông qua Nghị quyết về bổ sung 06 chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội Xã Trần Văn Thời 5 năm 2026 - 2030 (sau thẩm tra); Báo cáo thẩm tra số 38/BC-HĐND ngày 24 tháng 9 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách của Hội đồng nhân dân Xã Trần Văn Thời;

Hội đồng nhân dân Xã Trần Văn Thời khóa II, Kỳ họp thứ 5 (chuyên đề) đã thảo luận và thống nhất.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Bổ sung 06 chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội Xã Trần Văn Thời 5 năm 2026 - 2030

1. Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo trong tổng số doanh nghiệp trên địa bàn đến năm 2030 đạt từ 40% trở lên.
2. Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh đạt 75,5 tuổi.
3. Tỷ lệ lao động có kỹ năng công nghệ thông tin đến năm 2030 đạt khoảng 80%.
4. Tỷ lệ đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho lực lượng lao động đến năm 2030 đạt khoảng 50%.

5. Tỷ lệ người dân được hưởng chính sách khám sức khỏe hằng năm đạt 100%.

6. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường đạt khoảng 90%.

Sau khi bổ sung 06 chỉ tiêu, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội Xã Trần Văn Thời 5 năm 2026 - 2030 có tổng số 22 chỉ tiêu (*Kèm theo Phụ lục*).

Điều 2. Bổ sung một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

1. **Đẩy mạnh phát triển doanh nghiệp, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo**

Thực hiện đầy đủ các chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp; phối hợp các tổ chức tín dụng tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn vay để đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số và các mô hình sản xuất, kinh doanh tiên tiến; khuyến khích doanh nghiệp đổi mới công nghệ, cải tiến quy trình sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh; tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn doanh nghiệp tiếp cận các chính sách hỗ trợ đổi mới sáng tạo; phấn đấu nâng tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo đạt từ 40% trở lên vào năm 2030.

2. **Nâng cao chất lượng công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe Nhân dân**

Tiếp tục củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống y tế cơ sở; tăng cường công tác y tế dự phòng, phòng, chống dịch bệnh, quản lý sức khỏe và chăm sóc sức khỏe Nhân dân; đẩy mạnh tuyên truyền, vận động người dân thực hiện khám sức khỏe định kỳ, phát hiện sớm và quản lý các bệnh không lây nhiễm, góp phần nâng cao tuổi thọ và chất lượng cuộc sống của Nhân dân; phấn đấu đến năm 2030, tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh đạt 75,5 tuổi.

3. **Phát triển nguồn nhân lực, nâng cao kỹ năng công nghệ thông tin và kỹ năng số**

Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng công nghệ thông tin, kỹ năng số cho người lao động, chú trọng các nhóm lao động trong doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và khu vực nông nghiệp; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong sản xuất, kinh doanh và đời sống; từng bước nâng cao khả năng tiếp cận, sử dụng công nghệ thông tin của người lao động, phấn đấu đạt khoảng 80% vào năm 2030.

4. **Đẩy mạnh đào tạo lại, đào tạo thường xuyên, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực**

Rà soát, đánh giá nhu cầu đào tạo của lực lượng lao động gắn với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp; đa dạng hóa các hình thức đào tạo, ưu tiên đào tạo nghề, đào tạo lại, đào tạo nâng cao kỹ năng và đào tạo thường xuyên; tăng cường liên kết giữa cơ sở đào tạo, doanh nghiệp và người lao động; phấn đấu tỷ lệ lao động được đào tạo lại, đào tạo thường xuyên đạt khoảng 50% vào năm 2030.

5. Bảo đảm thực hiện tốt chính sách chăm sóc sức khỏe toàn dân

Tổ chức triển khai đồng bộ các chính sách về chăm sóc sức khỏe, bảo đảm người dân được tiếp cận các dịch vụ y tế thiết yếu và được khám sức khỏe hằng năm; tăng cường phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân chủ động chăm sóc sức khỏe, quan tâm các đối tượng chính sách, người cao tuổi, người có hoàn cảnh khó khăn; phấn đấu đạt tỷ lệ 100% người dân được hưởng chính sách khám sức khỏe hằng năm.

6. Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường; tăng cường kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định về môi trường đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh; hướng dẫn, hỗ trợ các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực hiện đầy đủ các biện pháp thu gom, xử lý chất thải, nước thải; khuyến khích áp dụng công nghệ sạch, tiết kiệm tài nguyên và thân thiện với môi trường; phấn đấu đến năm 2030 có khoảng 90% cơ sở sản xuất, kinh doanh đáp ứng quy chuẩn về môi trường.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân xã triển khai thực hiện Nghị quyết này, đảm bảo hoàn thành thắng lợi các chỉ tiêu, nhiệm vụ chủ yếu theo Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội Xã Trần Văn Thời 5 năm 2026 - 2030.

2. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, các tổ chức thành viên của Mặt trận và các tổ chức xã hội khác thực hiện giám sát, tuyên truyền, vận động, cùng với Nhân dân thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Xã Trần Văn Thời khóa II, Kỳ họp thứ 5 (chuyên đề) thông qua ngày 28 tháng 9 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- UBND xã;
- Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan trên địa bàn xã;
- Trang Thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thế Châu



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC
CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI XÃ TRẦN VĂN THỜI 5 NĂM 2026 - 2030

(Kèm theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 28 tháng 9 năm 2026 của Hội đồng nhân dân Xã Trần Văn Thòi)

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch giai đoạn 2026-2030						Ghi chú
			KH 2026	KH 2027	KH 2028	KH 2029	KH 2030		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	
I	CHỈ TIÊU KINH TẾ								
1	Tốc độ tăng tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn bình quân hàng năm	%	7	7	7	7	7		
2	Tốc độ tăng tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn bình quân hàng năm	%	10,2	10,4	10,6	10,6	10,8		
3	Kinh tế tư nhân								
3.1	Số doanh nghiệp thành lập mới	DN	30	35	35	35	27		
3.2	Số hộ cá thể phát triển lên doanh nghiệp	Hộ/xã	8	10	10	7	5		
4	Kinh tế tập thể								
4.1	Tổng số Hợp tác xã thành lập mới	HTX	1	1	1	1	1		
4.2	Tổng số Tổ hợp tác thành lập mới	THT	1	1	1	1	1		
5	Tỷ lệ người dân giao dịch không sử dụng tiền mặt	%	78	80	82	84	85		
6	Chi ngân sách xã	Tỷ đồng	210,139	224,849	240,588	257,429	275,449		
7	Tổng sản lượng lúa	Tấn	60.508	62.323	64.193	66.119	68.102		
8	Tổng sản lượng thủy sản	Tấn	13.745	14.157	14.582	15.020	15.470		
	Trong đó: Sản lượng tôm	Tấn	8.176	8.356	8.540	8.728	8.920		
9	Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo trong tổng số doanh nghiệp trên địa bàn	%	15	22	28	35	40	Chỉ tiêu bổ sung	

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch giai đoạn 2026-2030					Ghi chú
			KH 2026	KH 2027	KH 2028	KH 2029	KH 2030	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
II CHỈ TIÊU XÃ HỘI								
10	Thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn đến năm 2030 so với năm 2025 tăng	%	9,5	9,8	10,2	10,4	10,5	
11	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều đến năm 2030 dưới	%	0,27				<0,15	
12	Tỷ lệ trường học có hệ thống nước sạch để uống và nhà vệ sinh tiêu chuẩn 100%	%	100	100	100	100	100	
13	Xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	2	2	2	2	Đạt	
14	Phát triển mới cơ sở du lịch sinh thái	Cơ sở	1	1	1	1	1	
15	Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh	Tuổi	75,3	75,35	75,40	75,45	75,5	Chỉ tiêu bổ sung
16	Tỷ lệ lao động có kỹ năng công nghệ thông tin	%	68	71	74	77	80	Chỉ tiêu bổ sung
17	Tỷ lệ đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho lực lượng lao động	%	30	35	40	45	50	Chỉ tiêu bổ sung
18	Tỷ lệ người dân được hưởng chính sách khám sức khỏe	%	100	100	100	100	100	Chỉ tiêu bổ sung
III CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG								
19	Tỷ lệ dân số được sử dụng nước sạch							
19.1	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	%	82	84	86	88	90	
19.2	Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn	%	61	62	63	64	65	
20	Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt	%	91	92	93	94	95	
21	Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường	%	82	84	86	88	90	Chỉ tiêu bổ sung
IV VỀ QUỐC PHÒNG								
22	Tỷ lệ tuyển chọn thanh niên nhập ngũ, ra quân huấn luyện hằng năm đạt chỉ tiêu trên giao	%	100	100	100	100	100	